

Bản án số: 588/2020/DS-PT

Ngày: 25-6-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Toại

Các Thẩm phán: Bà Đặng Mạnh Đoàn Trang

Ông Hoàng Bích Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Lê Hải Lý, Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Bà Lê Thị Ngọc Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 19 và 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai Vụ án dân sự thụ lý số: 647/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1965/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4770/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị P, sinh năm: 1958; thường trú: 2177/1/2/13 đường H, khu phố 7, thị trấn N, huyện NB, Thành phố H; tạm trú: tổ 4, khu phố M, thị trấn C, huyện CG, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Phạm Ngọc T, sinh năm: 1997; địa chỉ: 70/1E1 đường 109, khu phố 5, phường P, Quận C, Thành phố H - là người đại diện (theo Giấy ủy quyền lập ngày 24/10/2019 tại Văn phòng công chứng Đào Xuân Tùng); vắng mặt;

- Ông Thái Văn C, sinh năm: 1979; địa chỉ: 70/1E1 đường 109, khu phố 5, phường P, Quận C, Thành phố H - là người đại diện (theo Giấy ủy quyền lập ngày 24/10/2019 tại Văn phòng công chứng Đào Xuân Tùng); có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Hồ Thị V, sinh năm: 1960; địa chỉ: số 273/3 khu phố M, thị trấn C, huyện CG, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn P, sinh năm: 1975; địa chỉ: ấp P, xã H, huyện Đ, tỉnh P - là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền lập ngày 18/6/2020 tại Văn phòng công chứng Bến Thành); có mặt.

3. *Người làm chứng*: Bà Lê Thị Hồng H, sinh năm: 1982; địa chỉ: 540/2A khu phố M, thị trấn C, huyện CG, Thành phố H; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Hồ Thị V - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện và những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 07/01/2017, bà Hồ Thị V có đến nhà bà Phan Thị P nhờ vay giúp số tiền là 130.000.000 đồng vì bà V đang làm công trình xây dựng chưa thanh toán được. Bà P đến hỏi vay của bà Lê Thị Hồng H số tiền 130.000.000 đồng đưa cho bà V, do vậy trong giấy biên nhận tiền ngày 07/01/2017 có ghi nội dung là bà Hồ Thị V (tức là B) có mượn của bà H số tiền là 130.000.000 đồng, nhưng thực tế số tiền trên bà V vay của bà P. Khoảng vài ngày sau, bà V trả lại cho bà P 30.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 100.000.000 đồng chưa trả. Đến ngày 25/9/2017, bà V có nhờ bà P vay thêm 300.000.000 đồng cũng với lý do đang làm công trình xây dựng chưa thanh toán được tiền. Do tin tưởng, nên bà P tiếp tục hỏi vay của bà H 300.000.000 đồng để đưa cho bà V, bà V hứa hẹn sẽ đóng lãi hàng tháng đầy đủ nhưng chỉ đóng được 07 tháng cho cả 02 phần tiền nợ (gồm phần 100.000.000 đồng và phần 300.000.000 đồng), còn lại từ đó đến nay bà V không thanh toán.

Đối với khoản nợ 05 chỉ vàng 24k (tương đương số tiền là 18.000.000 đồng) mà bà P cho bà V mượn nhưng không làm giấy tờ, bà P xin rút lại phần yêu cầu này và không yêu cầu Tòa án buộc bà V phải trả lại cho bà 05 chỉ vàng theo nội dung trong đơn khởi kiện.

Do vậy, bà Phan Thị P khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Hồ Thị V phải trả lại cho bà P tổng số tiền nợ là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và không yêu cầu tiền lãi chậm trả.

** Bị đơn - bà Hồ Thị V - trình bày:*

Do mâu thuẫn với nhau trong việc làm ăn, nên bà P làm đơn khởi kiện cho rằng bà V có vay mượn tiền, nhưng thực tế bà V không vay mượn của bà P bất kỳ khoản tiền nào theo như nội dung đơn khởi kiện của bà P.

** Người làm chứng - bà Lê Thị Hồng H - trình bày:*

Bà H xác nhận giấy mượn tiền ngày 07/01/2017 bà V ký ghi mượn tiền của bà, nhưng thực tế số tiền 130.000.000 đồng do bà P trực tiếp vay của bà đưa cho bà V. Sau đó, thì bà P có đến nhà vay tiếp 300.000.000 đồng nghe nói là đưa cho bà V. Còn lại mọi việc thỏa thuận giữa bà P với bà V như thế nào thì không biết, nhưng hàng tháng bà P là người trực tiếp trả tiền lãi cho bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

“Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị P.

Hủy giấy biên nhận viết tay mượn tiền có chữ ký xác nhận của bà Hồ Thị V ký ngày 07/01/2017 và ngày 25/9/2017. Buộc bà Hồ Thị V, sinh năm 1960, nơi cư trú: số 273/3 khu phố M, thị trấn C, huyện CG, Thành phố H phải trả cho bà Phan Thị P, sinh năm 1958, nơi cư trú: số 2177/01/02/13 đường H, Khu phố 7, thị trấn N, huyện NB, Thành phố H; Tạm trú: tổ 4, khu phố M, thị trấn C, huyện CG, Thành phố H số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) trả một lần khi án có hiệu lực...”

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về tiền lãi chậm thanh toán, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 18/11/2019, bị đơn bà Hồ Thị V kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Ông Lê Văn P - người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - trình bày:

+ Xác nhận việc bị đơn có vay tiền của nguyên đơn. Tuy nhiên, số tiền lãi mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 320.000.000 đồng.

+ Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn trình bày là “mượn tiền” và yêu cầu bị đơn trả lại tiền, không yêu cầu trả lãi. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định là hợp đồng vay tài sản, thể hiện có lãi suất.

+ Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cũng thừa nhận mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận với nhau bằng lời nói là 7%/tháng, nội dung này phù hợp với việc bị đơn đã trả cho nguyên đơn 320.000.000 đồng tiền lãi.

+ Các giấy vay tiền bị đơn ký trong tình trạng bị ép buộc và không hiểu biết pháp luật.

Từ những nội dung trên, thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá hết toàn bộ các tình tiết của vụ án như khoản vay, tiền lãi đã trả, cũng như lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận vượt mức quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

- Ông Thái Văn C - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - trình bày:

+ Trước đây, bị đơn luôn tìm cách né tránh không tham gia giải quyết vụ kiện và không thừa nhận việc có vay, nhưng nay lại thừa nhận các khoản nợ là không có thiện chí, cố tình kéo dài việc trả nợ.

+ Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp vay tài sản là đúng quy định, còn từ “mượn” là từ dân gian hay dùng.

+ Thực tế là hai bên có thỏa thuận riêng bên ngoài lãi suất 7%/tháng, nhưng mức lãi suất này là mức mà nguyên đơn lấy để trả cho người khác thay cho bị đơn. Việc bị đơn cho rằng nguyên đơn đã nhận 320.000.000 đồng tiền lãi không có chứng cứ chứng minh và thực tế cũng không có; tiền lãi mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn rất ít, chỉ vài triệu mỗi lần và trả được khoảng 07 lần thì ngưng. Mặt khác, trong vụ kiện này, nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc, không có yêu cầu trả tiền lãi.

Từ những ý kiến trên, nhận thấy án sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định của pháp luật, nội dung kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu, đề nghị:

+ Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên xét xử, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự và quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Tại phiên tòa, các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

+ Đối với nội dung kháng cáo:

• Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác nhận giữa bà V và bà P có thực hiện giao dịch vay mượn theo biên nhận mượn tiền ngày 07/01/2017 và biên nhận ngày 25/9/2017, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 7%/tháng và bà V trình bày đã trả lãi cho bà P tổng cộng 320.000.000 đồng, nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh. Phía nguyên đơn thừa nhận bà V có trả lãi cho bà P được 07 lần, mỗi lần từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, nhưng cũng không có chứng cứ chứng minh hai bên đã giao nhận tiền với nhau. Bà P không yêu cầu tính lãi suất, chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 400.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Hồ Thị V trả cho bà Phan Thị P số tiền 400.000.000 đồng là có căn cứ.

• Căn cứ biên nhận mượn tiền ngày 07/01/2017 bà V đã ký với nội dung bà V mượn của bà H số tiền 130.000.000 đồng. Cả bà P và bà H đều thừa nhận bà P đứng ra vay của bà H để cho bà V vay lại số tiền trên, nên trong trường hợp này bà Lê Thị Hồng H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà H tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng là có sai sót. Tuy nhiên, việc sai sót này không làm thay đổi bản chất, cũng như đường lối giải quyết vụ án. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm bà H cũng không có ý kiến gì.

Với những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng các quy định của pháp luật, việc bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

1.1 Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thừa nhận có vay các khoản tiền của nguyên đơn. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn có vay số tiền 400.000.000 đồng của nguyên đơn là có căn cứ và xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng theo quy định Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2 Bị đơn trình bày rằng đã trả cho nguyên đơn tiền lãi tổng cộng là 320.000.000 đồng và việc ghi giấy nợ trong tình trạng bị ép buộc, không hiểu biết nhưng không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh và cũng không được nguyên đơn thừa nhận, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

1.3 Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận lãi suất mà các bên đã thỏa thuận bằng lời nói, không ghi vào trong giấy nợ là 7%/tháng. Tuy mức lãi suất này là vượt mức quy định của pháp luật, nhưng nguyên đơn khai nhận số tiền lãi mà bị đơn đã trả rất ít, không đủ 7%/tháng như đã thỏa thuận và cũng không xác định được cụ thể số tiền lãi đã nhận; còn bị đơn cũng không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào để xác định số tiền lãi đã trả. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét xác định số tiền lãi mà các bên đã khai.

1.4 Các đương sự không xuất trình thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ mới nào.

Bị đơn kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ hoặc chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ. Mặt khác, căn cứ theo các quy định tại Điều 310, Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy không có cơ sở để hủy án sơ thẩm.

Với những nhận định như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hướng giải quyết vụ án là có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án có căn cứ, đúng pháp luật; yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có căn cứ pháp luật nên không được chấp nhận.

[2] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có một số sai sót:

3.1 Căn cứ biên nhận mượn tiền ngày 07/01/2017 và sự thừa nhận của các đương sự, thì bà P đứng ra vay tiền của bà H để cho bà V vay lại. Do đó, trong vụ án này bà Lê Thị Hồng H phải tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà H tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng là chưa đúng.

3.2 Khi xét xử vụ án, ngoài việc tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên “...Hủy giấy biên nhận viết tay mượn tiền có chữ ký xác nhận của bà Hồ Thị V ký ngày 07/01/2017 và ngày 25/9/2017...”. Nội dung này là thừa và vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì trong đơn khởi kiện nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay; mặt khác, trong trường hợp bị đơn trả hết số nợ cho nguyên đơn, thì đương nhiên các giấy vay tiền mà các bên đã ký kết cũng không còn giá trị. Nhưng nội dung này các đương sự cũng không có ý kiến gì và cũng không bị kháng nghị, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, những thiếu sót vừa nêu của cấp sơ thẩm không làm thay đổi bản chất, cũng như đường lối giải quyết vụ án, nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định và được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn - bà Hồ Thị V;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị P.

Hủy giấy biên nhận viết tay mượn tiền có chữ ký xác nhận của bà Hồ Thị V ký ngày 07/01/2017 và ngày 25/9/2017. Buộc bà Hồ Thị V, sinh năm 1960; nơi cư trú: số 273/3 khu phố M, thị trấn C, huyện CG, Thành phố H phải trả cho bà Phan Thị P, sinh năm 1958; nơi cư trú: số 2177/1/2/13 đường H, Khu phố 7, thị trấn N, huyện NB, Thành phố H; tạm trú: tổ 4, khu phố M, thị trấn C, huyện CG, Thành phố H số tiền là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), trả một lần khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày bà Phan Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Hồ Thị V chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền thì bà V còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước qui định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án được qui định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Phan Thị P buộc bà Hồ Thị V phải trả lại 05 chỉ vàng 24k (tương đương số tiền là 18.000.000 đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

a) Bà Hồ Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Hoàn lại cho bà Phan Thị P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.360.000 đồng (mười triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2011/06500, ngày 28/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Hồ Thị V phải chịu và được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2011/06675 ngày 19/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Hồ Thị V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện Cần Giờ;
- Chi cục THADS huyện Cần Giờ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (L/25).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Toại